**USER STORY: Một vài ý tưởng cơ bản về trang tin tức**

1. Trang web có thể phục hồi trạng thái lỗi.
2. Trang web có thể phát hiện kết cấu đang bị xâm hại bởi hacker
3. Người dùng có thể đăng ký tài khoản (nếu muốn)
4. Người dùng có thể đăng nhập bằng tài khoản đã tạo trước đó.
5. Người dùng không thể đăng nhập vào hệ thống sai quá 3 lần.
6. Người dùng có thể cập nhật thông tin cá nhân sau khi đăng nhập bằng tài khoản của mình
7. Người dùng có thể đánh giá mức độ của tin tức nào đó
8. Người dùng có thể chuyển đổi sang ngôn ngữ tại màn hình chào
9. Người dùng có thể chia sẻ tin tức đang đọc trên các mạng xã hội

10) Người dùng có thể bình luận/ góp ý vào các tin tức

11) Người dùng có thể tìm kiếm tin tức liên quan đến các tag

12) Người dùng có thể nhìn thấy được số lượng người xem tin tức nào đó

13) Quản trị viên có thể sửa, xoá hoặc thêm các tin tức mới

14) Quản trị viên có thể quản lý tài khoản của khách hàng, cũng như các ý kiến cá nhân của họ

15) Quản trị viên có thể phân loại các tin tức

**USER STORY**

Ưu tiên có lý : Để phân biệt User Story, ta dựa trên cơ sở tầm quan trọng của việc ưu tiên. Chúng tôi đã sử dụng phương pháp phân bậc được đề xuất bởi [Wiegers, 2003], ( Software Requirements. By K. E. Wiegers. Second Edition. Microsoft Press. 2003.). Do đó, chúng tôi đã sử dụng các định nghĩa dưới đây để áp dụng ưu tiên cho User Story.

Cao : Cần phải chú ý ngay và thực hiện cho thành công.

Trung: Quan trọng, nhưng có thể không cần thực hiện ngay lập tức.

Thấp : Có khả năng. Có thể hoãn lại thực hiện sau.

|  |
| --- |
| **User Story ID:** US-13 |
| **Statement:**  Người dùng đăng nhập vào hệ thống |
| **Name:** Username/ mật khẩu |
| **Usability Constraint:**   * Người dùng cần có tài khoản đăng nhập vào hệ thống. * Cập nhật một vài thông tin bắt buộc.   **Security Constraint:**   * Cần phải có mã đăng nhập của từng cá nhân. |
| **Note:**  Toàn bộ hệ thống đồng nhất, không cho người khác sử dụng tài khoản, chịu trách nhiệm pháp lí . |
| **Priority:** High |
| **Acceptance Criteria:**   * Xác định tài khoản đăng nhập vào hệ thống, thông tin người dùng. * Xác nhận thông tin, đăng nhập |

|  |
| --- |
| **User Story ID:** US-14 |
| **Statement:** Người dùng không thể đăng nhập vào hệ thống sai quá 3 lần. |
| **Name:** Username/ mật khẩu |
| **Usability Constraint:**   * Người dùng chỉ đăng nhập không quá 3 lần. * Khi khóa tài khoản or báo mất tài khoản, toàn bộ thông tin khách hàng được bảo mật trong hệ thống.   **Security Constraint:**   * Tính hợp lệ của tài khoản. * Kiểm tra ủy quyền của username hoặc mật khẩu nhập vào bởi người sử dụng tại thời điểm đăng nhập. |
| **Note:** Username hoặc mật khẩu được xác thực tại cổng đăng nhập |
| **Priority:** Medium |
| **Acceptance Criteria:**   * Xác định tài khoản đăng nhập vào hệ thống, thông tin người dùng. * Xác nhận thông tin, đăng nhập. |

|  |
| --- |
| **User Story ID:** US-15 |
| **Statement:** 8) Người dùng có thể chuyển đổi sang ngôn ngữ tại màn hình chào |
| **Name:** Ngôn ngữ |
| **Usability Constraint:**   * Các tùy chọn đa ngôn ngữ được cung cấp cho người dùng trước khi sử dụng bất kỳ thao tác nào trên màn hình chào. * Tất cả các thông tin phù hợp trong tất cả các ngôn ngữ.   **Security Constraint:**   * **Không** |
| **Note: T**uỳ chọn ngôn ngữ được quyết định bởi vị trí của TVM. Người dùng có thể được sử dụng ngôn ngữ phổ biến trong khu vực. Người sử dụng cũng có thể là một khách du lịch nước ngoài. |
| **Priority:** Medium |
| **Acceptance Criteria:**   * Người dùng có thể lựa chọn tùy chọn ngôn ngữ có sẵn. * Ngôn ngữ không thể thay đổi trong quá trình thao tác. |

|  |
| --- |
| **User Story ID:** US-16 |
| **Statement:** Người dùng có thể đăng ký tài khoản (nếu muốn) |
| **Name:** Tài khoản |
| **Usability Constraint:**   * Mỗi tài khoản chỉ có thể sử dụng một email để đăng kí * Cần phải xác nhận email mới có thể sử dụng tài khoản đã đăng ký   **Security Constraint:**   * Tính hợp lệ của tài khoản. * Kiểm tra ủy quyền của username hoặc mật khẩu nhập vào bởi người sử dụng tại thời điểm đăng nhập |
| **Note:** Cần phải cập nhật một số thông tin cá nhân bắt buộc |
| **Priority:** High |
| **Acceptance Criteria:**   * Người dùng có thể dùng cái tài khoản gợi ý ( nếu trùng lặp với tài khoản đã đăng ký trước đó) * Email phải chưa từng sử dụng để đăng ký tài khoản trên trang web. |

|  |
| --- |
| **User Story ID:** US-17 |
| **Statement:** Người dùng có thể tìm kiếm tin tức liên quan đến các tag |
| **Name:** Tìm kiếm Tag |
| **Usability Constraint:**   * Các tin tức phải có những tag nhất định * Trong khi tìm kiếm có thể có những tag gợi ý cho người dùng   **Security Constraint:**   * **None** |
| **Note:** Tag phải ngắn gọn, dễ hiểu |
| **Priority:** Medium |
| **Acceptance Criteria:**   * Hiển thị tất cả các tin tức liên quan đến Tag mà người dùng tìm kiếm * Đưa những tin tức nổi bật, có số lượng người xem cao lên trên cùng |

|  |
| --- |
| **User Story ID:** US-18 |
| **Statement:** Người dùng có thể bình luận/góp ý dưới bài tin tức |
| **Name:** Bình luận/góp ý |
| **Usability Constraint:**   * Mỗi bình luận tối đa 1000 từ * Mỗi bình luận phải có username thì mới có thể bình luận được   **Security Constraint:**   * **None** |
| **Note:** Khách vãn lai vẫn có thể bình luận được, nhưng cần phải đặt username |
| **Priority:** Low |
| **Acceptance Criteria:**   * Hạn chế các từ ngữ dễ gây mất đoàn kết * Cần quản lí những bình luận có nội dung thiếu văn hoá |

|  |
| --- |
| **User Story ID:** US-19 |
| **Statement:** Người dùng có thể chia sẻ tin tức trên các mạng xã hội |
| **Name:** Chia sẻ |
| **Usability Constraint:**   * Người dùng chỉ có thể chia sẻ trên các mạng xã hội mà trang web tin tức kết nối   **Security Constraint:**   * **None** |
| **Note: None** |
| **Priority:** Low |
| **Acceptance Criteria:**   * Người dùng có thể dán đường dẫn link tin tức ở bất kỳ đâu |

|  |
| --- |
| **User Story ID:** US-20 |
| **Statement:** Người dùng có thể cập nhật thông tin cá nhân sau khi đăng nhập bằng tài khoản của mình |
| **Name:** Cập nhật thông tin |
| **Usability Constraint:**   * Người dùng thêm vào các thông tin còn thiếu trong user profile mà trang web yêu cầu.   **Security Constraint:**   * **None** |
| **Note: None** |
| **Priority:** Low |
| **Acceptance Criteria:**   * Người dùng có thể cập nhật thêm thông tin của mình hoặc không. |

|  |
| --- |
| **User Story ID:** US-21 |
| **Statement:** Người dùng có thể đánh giá mức độ của tin tức nào đó |
| **Name:** Đánh giá |
| **Usability Constraint:**   * Người dùng có thể đánh giá mức độ của tin tức mình xem qua việc đánh dấu số sao.   **Security Constraint:**   * **None** |
| **Note: None** |
| **Priority:** Low |
| **Acceptance Criteria:**   * Người dùng có thể nhìn thấy các đánh giá mức độ cả tất các các người dùng khác trong hệ thống về tag bạn đang xem hoặc đánh giá. |

|  |
| --- |
| **User Story ID:** US-22 |
| **Statement:** Quản trị viên có thể sửa, xoá hoặc thêm các tin tức mới |
| **Name:** Chỉnh sửa Tin Tức |
| **Usability Constraint:**   * Quản trị viên có thể thêm, sửa, xóa các bài đăng có nội dung không phù hợp với trang web * Cập nhật các tin tức mới nhất.   **Security Constraint:**   * Chọn lọc các thông tin tùy theo mức độ tin cậy. * Sửa các thông tin sai về mặt nội dung hoặc mang tính chất sai trái pháp luật. |
| **Note: Q**uản trị viên được quyền cập nhật toàn bộ hệ thống thông tin. |
| **Priority:** High |
| **Acceptance Criteria:**   * Quản trị viên đưa các tin tức đã cập nhật ( thêm, sửa ) vào trang web. * Quản trị viên có thể xóa các tin tức có nội dung không đúng. |

|  |
| --- |
| **User Story ID:** US-23 |
| **Statement:** Quản trị viên có thể quản lý tài khoản của khách hàng, cũng như các ý kiến cá nhân của họ |
| **Name:** Quản lí thông tin |
| **Usability Constraint:**   * Quản trị viên có thể xoá các comment góp ý có nội dung không hợp lệ * Xem và thống kê các ý kiến đóng góp của người dùng về hệ thống cũng như tin tức mà trang web đưa ra   **Security Constraint:**   * Đưa ra yêu cầu về các từ ngữ sử dụng bị hạn chế. * Xoá các comment vi phạm về mặt nội dung hoặc ngữ pháp. |
| **Note: None** |
| **Priority:** High |
| **Acceptance Criteria:**   * Những comment không vi phạm về các từ ngữ. * Những tài khoản khách hàng không vi phạm quy định. |

# Acceptance Test Cases

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Project/RFC/SCER Name** | **Trang tin tức** | **Test Type** | Acceptance |
| **Test Plan** (doc. # for Test Plan) |  | | |
| **Test Done By** *( Internal /External)* | **Internal** | | |
| **Introduction** (Optional if Test Plan is Prepared) | **This document contains acceptance test cases for the user stories created for TVM project.** | | |
| **Softwares** (Optional if Test Plan is Prepared) |  | | |
| **References** (Optional if Test Plan is Prepared) | **iGo Deliverable 1, 2, 3** | | |

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Sl.No.** | **Test Case ID** | **Reference For User Story** | **Test Case Description** | **Test Conditions** *(Pre-Requisites)* | **Test Steps** | **Expected Result** | **Status**  **PASS/FAIL** |
| 1 | TC-01 | US-13 | Đăng nhập vào hệ thống | Cần phải có mã đăng nhập của từng cá nhân | **1.** Đăng nhập vào hệ thống.  **2.** Cập nhật thành công.  **3**. Cập nhật thông tin cá nhân. | Xác định tài khoản đăng nhập vào hệ thống, thông tin người dùng.  Xác nhận thông tin, đăng nhập |  |
| 2 | TC-02 | US-14 | Người dùng không thể đăng nhập vào hệ thống sai quá 3 lần | Tính hợp lệ của tài khoản | Người dùng chỉ đăng nhập không quá 3 lần.  Khi khóa tài khoản or báo mất tài khoản, toàn bộ thông tin khách hàng được bảo mật trong hệ thống. | xác định tài khoản đăng nhập vào hệ thống, thông tin người dùng.  Xác nhận thông tin, đăng nhập. |  |
| 3 | TC-03 | US-15 | Các tùy chọn đa ngôn ngữ được cung cấp cho người dùng trước khi sử dụng bất kỳ thao tác nào trên màn hình chào. |  | Người dùng chuyển or chọn ngôn ngữ sử dụng tại màn hình chào. | Các tùy chọn đa ngôn ngữ được cung cấp cho người dùng trước khi sử dụng bất kỳ thao tác nào trên màn hình chào |  |
| 4 | TC-04 | US-16 | Người dùng có thể đăng ký tài khoản (nếu muốn). |  | Mỗi tài khoản chỉ có thể sử dụng một email để đăng kí  Cần phải xác nhận email mới có thể sử dụng tài khoản đã đăng ký | Tính hợp lệ của tài khoản.  Kiểm tra ủy quyền của username hoặc mật khẩu nhập vào bởi người sử dụng tại thời điểm đăng nhập |  |
| 5 | TC-05 | US-17 | Các tin tức phải có những tag nhất định |  | Các tin tức phải có những tag nhất định  Trong khi tìm kiếm có thể có những tag gợi ý cho người dùng | Hiển thị tất cả các tin tức liên quan đến Tag mà người dùng tìm kiếm  Đưa những tin tức nổi bật, có số lượng người xem cao lên trên cùng |  |

# Traceability Matrix

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Traceability Matrix** | | | | | |
| **S.No.** | **User Story ID** | **User Story Name** | **Source of User Story** | **Test Case ID** | **Remarks** |
|
| 1 | UC-13 | Username/ mật khẩu | User, UC-6 Select Subsidized fare(Deliverable 2) | TC-01 |  |
| 2 | UC-14 | Username/ mật khẩu | User, UC-2 Pay Fare(Deliverable 2) | TC-02 |  |
| 3 | UC-15 | Ngôn ngữ | Accessibility consultant(Stakeholder) | TC-03 |  |
| 4 | UC-16 | Tài khoản | User, UC-1 Select Ticket Type(Deliverable 2) | TC-04 |  |
| 5 | UC-17 | Tìm kiếm Tag | UC-8 View daily report(Deliverable 2) | TC-05 |  |